

Số: 3189/QĐ-UBND

Gia Lộc, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao Dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2025;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các phòng, cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện..

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gia Lộc và Thủ trưởng các phòng, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngân sách cấp huyện có tên tại Phụ lục Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.TCKH (120b) L

CHỦ TỊCH

Vũ Văn Cấp
Vũ Văn Cấp

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025



Của: Trường Tiểu học Nhật Tân

Mã số quan hệ sử dụng ngân sách: 1043391

Tại Kho bạc Nhà nước Gia Lộc

(Kèm theo Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Gia Lộc)

ĐVT: Nghìn đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên	5.548.270
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.548.270
-	Chi thường xuyên	5.548.270
-	Tiền công hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
-	Hỗ trợ học bổng, phương tiện, đồ dùng cho trẻ khuyết tật	

Dự toán chi ngân sách năm 2025 đã bao gồm tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/08/2021 của Chính phủ; tiền công lao động hợp đồng được cơ quan thẩm quyền phê duyệt; các khoản đóng góp theo quy định.

Thực hiện sử dụng hiệu quả về khoản kinh phí theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính; thực hiện tốt quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; thực hiện tốt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng chống, tham nhũng trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Thực hiện đảm bảo theo các quy định tại Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ, Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh.

Căn cứ nguồn kinh phí được, đơn vị thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; lập dự toán chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo đúng theo quy định./.

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017
của Bộ Tài Chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Nhật Tân

Chương: 622 - Khoản: 072

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 06 /QĐ-THNT ngày 08/01/2025

của Trường Tiểu học Nhật Tân)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Học phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.548.270.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5.548.270.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.548.270.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi chương trình mục tiêu	

Nhật Quang, Ngày 08 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Đoàn Thị Loan